

Số: /TB-TTĐVSNC

Lưu Kiếm, ngày tháng năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất**

Căn cứ Luật số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội về Đấu giá tài sản; Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật Đấu giá số 37/2024/QH15;

Căn cứ Công văn số 812a/UBND-KTHT&ĐT ngày 15/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm về việc giao nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất đối với 06 khu đất có diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup> trên địa bàn phường;

Căn cứ Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất dôi dư (xen kẹt có diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup> nằm trong khu dân cư) vào mục đích đất ở đối với 02 lô đất (LK-01.10 và LK-01.11) tại Tổ dân phố Trung (nay là tổ dân phố Phúc Nam), phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất dôi dư (xen kẹt có diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup> nằm trong khu dân cư) vào mục đích đất ở đối với 02 lô đất (LK-01.10 và LK-01.11) tại Tổ dân phố Trung (nay là tổ dân phố Phúc Nam), phường Lưu Kiếm;

Căn cứ Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm về việc đấu giá quyền sử dụng đất dôi dư (xen kẹt có diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup> nằm trong khu dân cư) vào mục đích đất ở đối với 02 lô đất (LK-01.10 và LK-01.11) tại Tổ dân phố Trung (nay là tổ dân phố Phúc Nam), phường Lưu Kiếm;

Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Lưu Kiếm thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với các nội dung sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:**

- Tên đơn vị: Ủy ban nhân dân phường Lưu Kiếm;
- Địa chỉ: Tổ dân phố Trúc Động, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng.

## **2. Tên tài sản, số lượng của tài sản đấu giá:**

- Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng 180,06m<sup>2</sup> đất ở chia thành 02 lô thuộc thửa số 282, tờ bản đồ số 05, theo bản đồ giải thửa 299 (khu vực Lưu Kiếm cũ) trên địa bàn Tổ dân phố Trung (nay là tổ dân phố Phúc Nam), phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng.

## **3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:**

- Vị trí quy hoạch:
- + Lô LK-01.10 có giá 17.592.000 đồng/m<sup>2</sup>
- + Lô LK-01.11 có giá 18.481.000 đồng/m<sup>2</sup>
- Tổng giá khởi điểm của các lô đấu giá là: **3.247.652.190 đồng**

**Số tiền bằng chữ: Ba tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi đồng chẵn.**

## **4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

Các tổ chức đấu giá phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chí được quy định tại Điều 33 Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật đấu giá tài sản năm 2016, sửa đổi bổ sung năm 2024 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

Lưu ý: Việc đánh giá và chấm điểm căn cứ hồ sơ nộp khi đăng ký tham gia của Tổ chức hành nghề đấu giá có kiểm tra đối chiếu với các thông tin đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đấu giá tài sản (<http://dgts.moj.gov.vn>). Các tiêu chí không có hồ sơ, giấy tờ chứng minh sẽ không được xem xét.

*(Chi tiết các tiêu chí theo Phụ lục đính kèm)*

## **5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

### **5.1. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:**

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 29/7/2026 đến hết ngày 31/7/2026 (trong giờ hành chính)
- Cách thức nộp: Nộp trực tiếp

- Địa điểm nộp hồ sơ: Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Lưu Kiếm; Địa chỉ: Tổ dân phố Kênh Giang, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng; Điện thoại (liên hệ đồng chí Hải): 0913642101.

*(Hồ sơ không được hoàn trả lại đối với các tổ chức đấu giá không được lựa chọn)*

### **5.2. Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; Phương án đấu giá; Hồ sơ năng lực; Bảng tự chấm điểm theo tiêu chí Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp.

- Tổ chức hành nghề đấu giá chịu trách nhiệm về các thông tin, giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

*Lưu ý: Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đến nộp hồ sơ cần xuất trình bản chính giấy giới thiệu và CCCD/CMND/Hộ chiếu còn hiệu lực.*

Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Lưu Kiếm trân trọng thông báo cho các tổ chức hành nghề đấu giá biết để nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- CTTĐT quốc gia về đấu giá tài sản;
- UBND phường Lưu Kiếm;
- Cổng thông tin điện tử phường Lưu Kiếm;
- Lưu: HCTH.

**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Công Đình**

**PHỤ LỤC I**  
**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ**  
**ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

(Kèm theo Thông báo số...../TB-TTĐVSNC ngày 28/7/2026 của Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Lưu Kiếm)

| TT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                               | MỨC TỐI ĐA         |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                                              |                    |
| 1.        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                                         | Đủ điều kiện       |
| 2.        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                                   | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b> | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                  | <b>19,0</b>        |
| <b>1.</b> | <b><i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>10,0</b>        |
| 1.1       | <i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>                                                                                                                                                                                     | 5,0                |
| 1.2       | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>                                                                                                                                                                                                                            | 5,0                |
| <b>2.</b> | <b><i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i></b>                                                                                                                                                                                                                                        | <b>5,0</b>         |
| 2.1       | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>                                                                                                      | 2,0                |
| 2.2       | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>                                                                                                                                                                      | 3,0                |
| <b>3.</b> | <b><i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i></b><br><b><i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i></b> | <b>2,0</b>         |
| <b>4.</b> | <b><i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i></b>                                                                                                                                         | <b>1,0</b>         |
| <b>5.</b> | <b><i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i></b>                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>1,0</b>         |

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                 | MỨC TỐI ĐA  |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</b> ( <i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i> )                                                                    | <b>16,0</b> |
| <b>1.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                       | <b>4,0</b>  |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                      | 2,0         |
| 1.2        | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                              | 2,0         |
| <b>2.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện</b> ( <i>địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ</i> )         | <b>4,0</b>  |
| <b>3.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                | <b>4,0</b>  |
| 3.1        | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                               | 2,0         |
| 3.2        | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                | 2,0         |
| <b>4.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>         | <b>4,0</b>  |
| <b>IV</b>  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                             | <b>57,0</b> |
| <b>1.</b>  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>15,0</b> |
| 1.1        | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                     | 12,0        |
| 1.2        | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                              | 13,0        |
| 1.3        | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                              | 14,0        |
| 1.4        | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                               | 15,0        |
| <b>2.</b>  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                  | <b>7,0</b>  |
| 2.1        | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc                                                                                                          | 4,0         |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <i>đấu giá thành nào)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |            |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5,0        |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6,0        |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7,0        |
| 3.  | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i></b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                           | 7,0        |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0        |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0        |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6,0        |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7,0        |
| 4.  | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</i></b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0        |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0        |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:</i><br><i>Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>                                                                                                                                                                                                          |            |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>                                                                                                                                                                                        |            |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày <u>Luật đấu giá tài sản</u> có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7,0        |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0        |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0        |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6,0        |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7,0        |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0        |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2,0        |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,0        |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0        |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo <u>Luật đấu giá tài sản</u> hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật đấu giá tài sản</u>)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0        |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,0        |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3,0        |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0        |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,0        |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |
| 8.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0        |
| 8.2 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4,0        |
| 8.3 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0        |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0        |
| 9.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0        |
| 9.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4,0        |
| 9.3 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,0        |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)                                                                                                                          | 8,0        |
| 1.  | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá<br>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật đấu giá tài sản<br>- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)                                                                                                                               | 2,0        |
| 2.  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó (Trước vận hành chính quyền hai cấp là UBND thành phố Thủy Nguyên)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3,0        |
| 3.  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0        |

| TT           | NỘI DUNG                                                                                                                                                   | MỨC<br>TỐI ĐA |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|              | nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh. |               |
| Tổng số điểm |                                                                                                                                                            | 100           |